

Bản án số: **106/2024/DS-ST**

Ngày: 12/9/2024

V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Nam**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Võ Văn Định**.

Ông **Nguyễn Hồng Đức**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Mai** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Văn Cường** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2024 về việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2024/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng V**.

Trụ sở: Số ..., phố L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông **N.C.D** - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **N.H.B** - Trưởng Phòng Xử lý nợ phản ứng nhanh khách hàng cá nhân Miền Bắc - Khối quản trị rủi ro, theo Văn bản ủy quyền số 62/2023/UQN-CTQT ngày 02/8/2023. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **N.V.H**, ông **N.T.Đ1** - Chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ: Tầng ..., Tòa nhà V, số ..., phố D, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.- *Có mặt ông Đ.*

Bị đơn: Chị **T.T.T**, sinh năm 1991. - *Có mặt.*

Nơi thường trú: Tập thể ..., xã L, huyện T, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ, nguyên đơn là **Ngân hàng V** do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Chị T.T.T vay vốn của Ngân hàng V theo Hợp đồng cho vay số LN2201245147057 ngày 27/01/2022. Số tiền vay: 900.000.000 đồng. Thời hạn vay: 84 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu HYUNDAI SANTAFE để phục vụ nhu cầu đi lại cá nhân. Lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9%/năm, được cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau thời gian cố định, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày đầu quý gần nhất tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên, sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày đầu quý tiếp theo (01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm). Trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ theo quy định của Ngân hàng V, thì ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc đầu tiên liền sau ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ đó. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức: Lãi suất cơ sở VND áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 84 tháng được Ngân hàng công bố, niêm yết tại website: www.vpbank.com.vn có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 2,9%/năm. Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI Santafe; số máy: D4HBLU079295; số khung RLUSV81BDLN013344, biển kiểm soát 30H-483.28, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 25/01/2022 thuộc quyền sở hữu của chị T. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ ... được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp. Chi tiết tại Hợp đồng thế chấp số LN2201245147057 ngày 26/01/2022 giữa chị T với Ngân hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để chị T thực hiện nghĩa vụ, nhưng chị T không thực hiện.

Ngân hàng V yêu cầu Tòa án:

- Buộc chị T.T.T thanh toán cho Ngân hàng V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng cho vay số LN2201245147057 ngày 26/01/2022 tạm tính đến ngày 15/4/2024 khoản tiền này là: Nợ gốc 739.289.697 đồng, nợ lãi 683.524 đồng, phạt chậm trả 3.415.000 đồng, tổng cộng 851.562.141 đồng.

- Buộc chị T.T.T phải chịu lãi suất theo hợp đồng cho vay đã ký cho đến ngày thực tế thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng V.

- Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, nếu chị T.T.T không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V, cụ thể: Xe ô tô nhãn

hiệu HUYNDAI SANTAFE, số máy D4HBLU079295, biển kiểm soát 30H-483.28, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 25/01/2022 và tất cả các vật phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp. Trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, kê biên, phát mại tài sản khác của chị T.T.T để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V cho đến khi thực tế trả hết khoản nợ.

Tại Bản tự khai ngày 27/8/2024, bị đơn là chị **T.T.T** trình bày:

Chị xác nhận có ký Hợp đồng cho vay số LN2201245147057 ngày 26/01/2022 với Ngân hàng V, số tiền là 900.000.000 đồng, thời hạn vay là 84 tháng, mục đích vay là để mua ô tô. Tuy nhiên, chị ký hợp đồng vay này là để vay hộ anh B.Đ.Đ2 (sinh năm 19..., nơi thường trú: Số ..., Khu tập thể C, Tổ dân phố số ..., phường K, quận H, thành phố Hà Nội). Trên thực tế, chị không phải là người trực tiếp nhận số tiền giải ngân từ khoản vay nêu trên và chị cũng chưa từng được nhìn thấy hay sử dụng xe ô tô được mua từ khoản vay này. Chị không rõ Ngân hàng đã giải ngân cho ai và bằng hình thức nào. Để đảm bảo cho khoản vay, chị xác nhận có ký Hợp đồng thế chấp tài sản là xe ô tô HYUNDAI Santafe BKS 30H-483.28 đứng tên chị là T.T.T, chị là người trực tiếp đi bấm biển. Chị được biết Ngân hàng có tạo cho chị 01 tài khoản để phục vụ mục đích trả nợ khoản vay nêu trên. Hàng tháng, anh B.Đ.Đ2 sẽ chuyển tiền vào tài khoản đó và trả nợ bằng hình thức khấu trừ trực tiếp từ tài khoản. Chị không rõ anh Đ2 đã trả được bao nhiêu tiền gốc, lãi. Theo bảng kê tính lãi tạm tính đến ngày 02/8/2024 do Ngân hàng cung cấp, chị được biết anh Đ2 đã trả số tiền nợ gốc là 160.710.303 đồng và số tiền lãi là 103.145.653 đồng. Do chị không tự tính được số tiền còn lại phải thanh toán, nên đề nghị Tòa án tính theo quy định của pháp luật. Về tài sản thế chấp, anh Đ2 là người sử dụng xe ô tô HYUNDAI Santafe BKS 30H-483.28. Chị không có mặt hay biết việc nhận xe như thế nào, ở đâu, chị cũng chưa bao giờ được sử dụng chiếc xe trên. Chị không biết hiện xe đang ở đâu, do ai sử dụng. Chị đã mất liên lạc với anh Đ2 từ ngày 29/5/2023 đến nay. Chị không rõ địa chỉ cụ thể hay phương thức liên lạc với anh Đ2 để cung cấp cho Tòa án. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán khoản vay, chị là người bị hại do tin tưởng người khác để đứng ra nhận khoản vay trên giấy tờ với Ngân hàng. Với điều kiện kinh tế hiện tại, chị hoàn toàn không đủ khả năng để chi trả cho khoản vay. Trong quá trình làm thủ tục vay, Ngân hàng đã không làm đúng quy định khi xác minh thu nhập hàng tháng của chị, vì chị không đủ điều kiện để vay tiền tại Ngân hàng. Mọi trình tự từ xác minh, làm hồ sơ, giải ngân, giao nhận đều thiếu sự minh bạch. Do vậy, chị đề nghị Tòa án xem xét, làm rõ và bảo vệ quyền lợi chính đáng của chị.

Tại phiên tòa, Ngân hàng V yêu cầu chị T phải thanh toán số tiền tính đến ngày 12/9/2024 là 925.229.933 đồng, gồm nợ gốc là 739.289.697 đồng, tiền lãi

trong hạn là 14.558.699 đồng, tiền lãi quá hạn là 168.810.879 đồng, tiền lãi chậm trả là 2.570.658 đồng và các khoản tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 13/9/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, giữ nguyên yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm.

Chị T giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành, bị đơn chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả tổng số tiền tính đến ngày 12/9/2024 là 925.229.933 đồng, gồm nợ gốc là 739.289.697 đồng, tiền lãi trong hạn là 14.558.699 đồng, tiền lãi quá hạn là 168.810.879 đồng, tiền lãi chậm trả là 2.570.658 đồng và các khoản tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 13/9/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ; chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để trừ vào khoản nợ của bị đơn. Về án phí: Nguyên đơn được nhận lại tạm ứng án phí, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng V khởi kiện vụ án dân sự về việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng đối với chị T.T.T, nơi thường trú: Tập thể ..., xã L, huyện T, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

[2] Về nội dung và hiệu lực của hợp đồng tín dụng: Ngày 26/01/2022, Ngân hàng V - Chi nhánh Sở giao dịch và chị T.T.T đã ký Hợp đồng cho vay số LN2201245147057 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ với nội dung như sau: Số tiền cho vay: 900.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu HUYNDAI Santafe Premium, số máy D4HBLU079295 năm 2020 để đi lại. Phương thức giải ngân: Chuyển khoản vào tài khoản của bên thụ hưởng. Phương thức cho vay: Từng lần. Các kỳ trả nợ gốc: Định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/02/2022, số tiền nợ gốc phải trả mỗi kỳ là 10.714.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả 10.738.000 đồng. Các kỳ trả nợ lãi: Định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày

15/02/2022. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9%/năm (365 ngày), được cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau thời gian cố định, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày đầu quý gần nhất tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên, sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày đầu quý tiếp theo (01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm). Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VND áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 84 tháng được Ngân hàng công bố (niêm yết tại website: www.vpbank.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 2,9%/năm. Lãi suất cho vay sẽ được cộng thêm 3%/năm, áp dụng kể từ ngày làm việc thứ 11 của tháng liền kề sau tháng mà bên vay phải hoàn thành nghĩa vụ mua bảo hiểm theo yêu cầu của Ngân hàng. Trường hợp bên vay hoàn thành nghĩa vụ mua bảo hiểm sau thời điểm Ngân hàng điều chỉnh lãi suất cho vay, lãi suất cho vay sẽ được giảm tương ứng với mức cộng thêm nêu trên và sẽ được áp dụng kể từ ngày làm việc thứ 11 của tháng liền kề sau tháng mà bên vay hoàn thành nghĩa vụ mua bảo hiểm. Số tiền lãi phải trả mỗi kỳ = $\sum (\text{Số dư thực tế} \times \text{Số ngày duy trì số dư thực tế} \times \text{Lãi suất tính lãi}) / 365$. Lãi suất quá hạn = 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả tiền lãi = 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi những tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Ngân hàng có quyền tự động tạm khóa, trích, tất toán tài khoản của bên vay tại Ngân hàng, các khoản tiền gửi, tài sản khác của bên vay tại Ngân hàng hoặc lập ủy nhiệm thu yêu cầu các tổ chức tín dụng khác mở tài khoản cho bên vay trích tiền chuyển cho Ngân hàng để thu hồi nợ. Biện pháp bảo đảm tiền vay: Thế chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, BKS: 30H-483.28, số khung: RLUSV81BDLN013344, số máy D4HBLU079295, thuộc quyền sở hữu của chị T, theo Hợp đồng thế chấp số LN2201245147057 ngày 26/01/2022. Ngoài ra, hợp đồng còn quy định về các loại phí, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, áp dụng điều kiện giao dịch chung. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày bên sau cùng ký vào hợp đồng cho đến khi bên vay thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ đối với Ngân hàng. Các bên xác nhận việc giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhầm lẫn. Xét Hợp đồng tín dụng, Phụ lục hợp đồng nêu trên có nội dung phù hợp với quy định tại các khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017, do các bên tự nguyện ký kết, nên có hiệu lực và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

[3] Về yêu cầu đòi nợ gốc: Ngày 27/01/2022, Ngân hàng V - Chi nhánh Sở giao dịch đã cho chị T vay số tiền 900.000.000 đồng theo Giấy đề nghị giải ngân ngày 26/01/2022, bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bên thụ hưởng

là N.Q.T2 tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Xuân Mai. Thực hiện hợp đồng, chị T không trả nợ gốc đúng hạn, lần trả cuối cùng là ngày 01/6/2023. Tính đến ngày 12/9/2024, tổng số tiền gốc đã thu được từ tài khoản của chị T là 160.710.303 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu chị T trả số nợ gốc là: 900.000.000 đồng - 160.710.303 đồng = 739.289.697 đồng. Tòa án đã kiểm tra các chứng cứ về việc cho vay, thu nợ, xác định số nợ gốc chị T chưa trả theo tính toán của Ngân hàng là đúng. Do đó, căn cứ vào Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng V, buộc chị T phải trả số nợ gốc tính đến ngày 12/9/2024 là 739.289.697 đồng.

[4] Về yêu cầu đòi tiền lãi: Trên cơ sở số tiền gốc cho chị T vay ngày 27/01/2022 là 900.000.000 đồng và tình hình trả nợ của chị T, Ngân hàng đã tính các khoản tiền lãi phát sinh đến ngày 12/9/2024 gồm: Tiền lãi trong hạn là 117.704.352 đồng, đã trả 103.145.653 đồng, còn phải trả 14.558.699 đồng; tiền lãi quá hạn là 168.810.879 đồng, đã trả 0 đồng, còn phải trả 168.810.879 đồng; tiền lãi chậm trả lãi là 2.570.658 đồng, đã trả 0 đồng, còn phải trả 2.570.658 đồng. Tòa án đã kiểm tra các chứng cứ về việc trả tiền lãi gồm sao kê tài khoản của chị T, các quyết định ban hành biểu lãi suất, bảng kê tính lãi, xác định Ngân hàng V tính số tiền lãi trong hạn, quá hạn, lãi chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký. Căn cứ vào Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng V, buộc chị T phải trả số tiền lãi tính đến ngày 12/9/2024, gồm tiền lãi trong hạn là 14.558.669 đồng, tiền lãi quá hạn là 168.810.879 đồng, tiền lãi chậm trả là 2.570.658 đồng.

[5] Về nội dung và hiệu lực của hợp đồng thế chấp tài sản: Ngày 26/01/2022, bên nhận thế chấp là Ngân hàng V - Chi nhánh Sở Giao dịch và bên thế chấp là chị T.T.T ký kết Hợp đồng thế chấp số LN2201245147057 với các nội dung chủ yếu gồm: Tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, số khung: RLUSV81BDLN013344, số máy D4HBLU079295, biển số đăng ký: 30H-483.28. Trường hợp tại thời điểm ký hợp đồng, tài sản thế chấp chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký, các bên đồng ý rằng sau khi tài sản thế chấp được cấp giấy chứng nhận đăng ký, hợp đồng vẫn duy trì đầy đủ hiệu lực và các bên không phải ký kết bất kỳ phụ lục, thỏa thuận bổ sung nào khác để ghi nhận về tài sản thế chấp và giấy chứng nhận đăng ký của tài sản thế chấp. Tài sản thế chấp bao gồm cả: a) Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp; và b) Toàn bộ các quyền, lợi ích phát sinh từ hoặc có liên quan tới tài sản thế chấp mà bên thế chấp được hưởng/có thể được hưởng. Hai bên thống nhất xác định giá trị tài sản thế chấp là 1.130.000.000 đồng. Ngân hàng đồng ý cấp tín dụng cho bên được bảo đảm với số tiền cao nhất là 900.000.000 đồng. Nghĩa vụ được bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai, bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại, các khoản phải hoàn trả và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên được

bảo đảm đối với Ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng được xác lập, ký kết giữa bên được bảo đảm với Ngân hàng và bên liên quan khác (nếu có) trước, trong và sau ngày ký kết hợp đồng. Hợp đồng còn quy định về việc quản lý tài sản thế chấp và giấy tờ của tài sản thế chấp, mua bảo hiểm cho tài sản thế chấp, quyền và nghĩa vụ của các bên, các trường hợp xử lý tài sản thế chấp, phương thức xử lý tài sản thế chấp, cam kết, bảo đảm và các thỏa thuận khác, luật điều chỉnh và giải quyết tranh chấp. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi bên được bảo đảm thực hiện xong tất cả nghĩa vụ được bảo đảm và Ngân hàng thực hiện xong thủ tục xóa đăng ký giao dịch bảo đảm. Các bên xác nhận việc giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhầm lẫn. Ngày 26/01/2022, hai bên đã nộp Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng và được Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng chứng nhận ngày 27/01/2022. Xét hợp đồng thế chấp nêu trên tuân thủ quy định tại các Điều 297, 298, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 327 của Bộ luật Dân sự 2015, do các bên tự nguyện ký kết và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ, nên hợp đồng có hiệu lực đối với các bên ký kết và có hiệu lực đối kháng với người thứ ba kể từ thời điểm đăng ký thế chấp.

[6] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 196861 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 25/01/2022, chủ xe là T.T.T, nhãn hiệu HYUNDAI SANTAFE TM2, số máy D4HBLU079295, số khung: RLUSV81BDLN013344, biển số đăng ký: 30H-483.28. Tòa án đã yêu cầu chị T đưa xe ô tô đến trụ sở Tòa án để xem xét, thẩm định tại chỗ, nhưng chị T không chấp hành, nên không xem xét, thẩm định tại chỗ được. Nay Ngân hàng V yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm. Xét thấy xe ô tô nêu trên bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của chị T theo Hợp đồng tín dụng số LN2201245147057 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 26/01/2022. Căn cứ vào Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, trường hợp chị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi khoản nợ. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm, sau khi thanh toán chi phí xử lý tài sản, khoản nợ, nếu còn thừa thì trả cho chị T, nếu thiếu thì chị T có nghĩa vụ trả nốt.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V được chấp nhận toàn bộ, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1, 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 18.773.000 đồng tạm ứng án phí; chị T phải trả Ngân hàng V tổng số tiền 925.229.933 đồng, nên phải chịu 39.756.898 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về việc chị T.T.T khai đứng ra vay hộ số tiền trên giúp anh B.Đ.DD2 mua ô tô, anh Đ2 sử dụng ô tô và phải trả nợ gốc, lãi: Nếu chị T và anh Đ2 có tranh chấp về thỏa thuận đó, thì chị T có quyền khởi kiện anh Đ2 bằng vụ án dân sự khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào các Điều 297, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 327 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, các Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V về việc đòi chị T.T.T trả số tiền phát sinh theo Hợp đồng cho vay số LN2201245147057 ngày 26/01/2022, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 26/01/2022. Buộc chị T.T.T phải trả Ngân hàng V tổng số tiền tính đến ngày 12/9/2024 là 925.229.933 đồng (Chín trăm hai mươi lăm triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn, chín trăm ba mươi ba đồng), gồm:

- Nợ gốc là 739.289.697 đồng (Bảy trăm ba mươi chín triệu, hai trăm tám mươi chín nghìn, sáu trăm chín mươi bảy đồng);

- Tiền lãi trong hạn là 14.558.699 đồng (Mười bốn triệu, năm trăm năm mươi tám nghìn, sáu trăm chín mươi chín đồng);

- Tiền lãi quá hạn là 168.810.879 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu, tám trăm mười nghìn, tám trăm bảy mươi chín đồng);

- Tiền lãi chậm trả là 2.570.658 đồng (Hai triệu, năm trăm bảy mươi nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải

thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng V. Trường hợp chị T.T.T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô HUYNDAI SANTAFE, số khung: RLUSV81BDLN013344, số máy D4HBLU079295, BKS: 30H-483.28, thuộc quyền sở hữu của chị T.T.T theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 196861 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 25/01/2022, thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN2201245147057 ngày 26/01/2022, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 27/01/2022 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng.

4. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm, sau khi thanh toán chi phí xử lý tài sản và khoản nợ nêu trên, nếu còn thừa thì trả cho chị T.T.T, nếu thiếu thì chị T.T.T phải tiếp tục trả cho Ngân hàng V đến khi hết nợ.

5. Về án phí:

5.1. Ngân hàng V được nhận lại 18.773.000 đồng (Mười tám triệu, bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp là đã nộp theo biên lai số 0007303 ngày 03/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

5.2. Chị T.T.T phải chịu 39.756.898 đồng (Ba mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm chín mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Ngân hàng V, chị T.T.T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Nam